

Số: **1527**/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **18** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Thú y, Chăn nuôi, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Thú y, Chăn nuôi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Nội dung thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ: <http://dichvucong.backan.gov.vn>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Văn).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Tuyên

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT, THÚ Y, CHĂN NUÔI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẮC KẠN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí	Mức phí, lệ phí đề nghị công bố	
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật				
1	1	1.004493.000. 00.00.H03	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	600.000 đồng/lần
2	2	1.004509.000. 00.00.H03	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	Không
3	3	1.003984.000. 00.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm độc tố kiểm dịch thực vật	Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	Mục III, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật
4	4	1.004363.000. 00.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	800.000 đồng/lần
5	5	1.004346.000. 00.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	800.000 đồng/lần

II		Lĩnh vực Thú y			
6	1	1.005327.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
7	2	2.002132.000.0 0.00.H03	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh)	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020	* Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực: - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần. - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần. * Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn

					thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí.
8	3	1.005319.000.0 0.00.H03	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần
9	4	1.004022.000.0 0.00.H03	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020	Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần.
10	5	1.003810.000.0 0.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
11	6	1.003781.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp Tỉnh)	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

12	7	1.003619.000.0 0.00.H03	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
13	8	1.003612.000.0 0.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
14	9	1.003589.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

15	10	1.003577.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
16	11	2.001064.000.0 0.00.H03	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần
17	12	1.002338.000.0 0.00.H03	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y: Theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
18	13	1.002239.000.0 0.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch

			phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận		bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000đ/lần. - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
19	14	2.000873.000.0 0.00.H03	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
20	15	1.001686.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000đ/lần
21	16	1.001094.000.0 0.00.H03	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y. - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
III		Lĩnh vực Chăn nuôi			
22	1	1.008129.000.0 0.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện: chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.
23	2	1.008126.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần.

					- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần
24	3	1.008128.000.0 0.00.H03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.
25	4	1.008127.000.0 0.00.H03	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần
IV		Lĩnh vực Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản			
26	1	2.001838.000.0 0.00.H03	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 và Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018	Không
27	2	2.001241.000.0 0.00.H03	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 và Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018	Không
B		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
I		Lĩnh vực Lâm nghiệp			
28	1	3.000154.000.0 0.00.H03	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Thông tư 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	20.000 đồng/tờ khai